| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 116/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-8-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đông.

*Các Hội thẩm Nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

2. Ông Dương Văn Trung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

***- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà:*** Không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc L - sinh năm 1971 - (có mặt).

Địa chỉ: 68 đường ND, tổ dân phố a, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hùng C - sinh năm 1969 - (vắng mặt).

Địa chỉ: 68 đường ND, tổ dân phố a, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1.** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị Ngọc L trình bày như sau:

Tôi và anh Võ Hùng C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện CJ, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) vào ngày 22/5/1990.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách giữa tôi và anh C có nhiều điểm khác biệt, bất đồng

quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Tháng 8/2018 tôi có gửi đơn ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ nên tôi đã rút đơn. Tuy nhiên vợ chồng tôi vẫn không thể chung sống hòa thuận được như trước. Hiện nay chúng tôi sống ly thân đã mấy năm nay, tuy sống cùng nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không nói chuyện với nhau, không khí gia đình u uất, nặng nề ảnh hưởng đến tâm lý của tôi và các con. Nay đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn để tôi cũng như anh C ổn định cuộc sống, làm ăn.

Về con chung: có bốn con chung cháu Võ Thị Việt Tr- sinh ngày 26/10/1990, cháu Võ Thị Trà M - sinh ngày 27/4/1992, cháu Võ Thị Thu Th - sinh ngày 09/02/1997 và cháu Võ Trần Như Q - sinh ngày 19/3/2008. Hiện nay cháu Tr, cháu M, cháu Th đã đủ tuổi thành niên, việc các cháu ở với ai là quyền của các cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Q chưa đủ 18 tuổi nên nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Tại bản tự khai ngày 23/5/2019, bị đơn - ông Võ Hùng C trình bày như sau:

Tôi và cô Trần Thị Ngọc L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện CJ, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) vào ngày 22/5/1990.

Quá trình chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, do con riêng của tôi tổ chức đám cưới và tôi có đứng ra tổ chức cho cháu nên gây ra sự nghi kị của cô L. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Cô L có gửi đơn ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải nên vợ chồng đã quay về chung sống với nhau, đến nay cô L lại tiếp tục gửi đơn ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn. Nguyện vọng của tôi mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, chung sống với nhau để lo cho con.

Về con chung: có bốn con chung cháu Võ Thị Việt Tr- sinh ngày 26/10/1990, cháu Võ Thị Trà M - sinh ngày: 27/4/1992, cháu Võ Thị Thu Th - sinh ngày 09/02/1997 và cháu Võ Trần Như Q - sinh ngày 19/3/2008. Hiện nay cháu Tr, cháu M, cháu Th đã đủ tuổi thành niên, việc các cháu ở với ai là quyền của các cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu cô L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Võ Hùng C - cư trú tại

68 đường ND, tổ dân phố a, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng như Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Võ Hùng C theo quy định pháp luật, ông C đã làm bản tự khai tại Tòa án vào ngày 23/5/2019, có tham gia hòa giải nhưng không ký vào biên bản hòa giải. Ông Võ Hùng C vắng mặt không lý do lần thứ hai nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Ngọc L kết hôn với ông Võ Hùng C tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện CJ, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) vào ngày 22/5/1990 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà Trần Thị Ngọc L trình bày: Sau khi kết hôn thì bà L và ông C sống hạnh phúc với nhau nhưng càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm trầm trọng, nguyên nhân do tính cách giữa bà L và ông C có nhiều điểm khác biệt, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Tháng 8/2018 bà L có gửi đơn ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ nên bà L đã rút đơn. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không thể chung sống hòa thuận được như trước, hiện nay bà L và ông C sống ly thân tuy sống cùng nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không nói chuyện với nhau, không khí gia đình u uất, nặng nề ảnh hưởng đến tâm lý của bà L và các con.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ Hùng C chung sống với nhau số nhà 68 ND, Buôn PL, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, quá trình chung sống tại địa phương bà L và ông C thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, Tổ hòa giải địa phương đã mời để hòa giải nhiều lần nhưng không thành, bà L và ông C đánh nhau tại buổi hòa giải. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thị Ngọc L với ông Võ Hùng C đã thực sự gây gắt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc L ly hôn với ông Võ Hùng C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ Hùng C bốn con chung. Ba con chung là Võ Thị Việt Tr- sinh ngày 26/10/1990, Võ Thị Trà M - sinh ngày

27/4/1992 và Võ Thị Thu Th - sinh ngày 09/02/1997 đều trên 18 tuổi, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Võ Trần Như Q - sinh ngày 19/3/2008, bà L và ông C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Trần Như Q nhưng xét thấy cháu Võ Trần Như Q còn nhỏ, là con gái để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của cháu nên cần giao cháu cho mẹ là bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Võ Hùng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Ngọc L không yêu cầu ông Võ Hùng C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ Hùng C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí:

- Bà Trần Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai số AA/2017/0012222 ngày 09/4/2019.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 277; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc L đối với ông Võ Hùng C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L được ly hôn với ông Võ Hùng C.

- Về con chung: Giao con chung cháu Võ Trần Như Q - sinh ngày 19/3/2008 cho bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Trần Như Q cho đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Hùng C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Ngọc L không yêu cầu ông Võ Hùng C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

**2.** Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ Hùng C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

**3.** Về án phí:

- Bà Trần Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai số AA/2017/0012222 ngày 09/4/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Nam Dong, H. Cư Jut, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đông**